

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ninh Giang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2026	ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	SỐ SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (%)
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>269,049,000,000</b>	<b>82,573,034,677</b>	<b>30.69</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	700,000,000	338,590,970	48.37
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	91,230,000,000	16,648,802,428	18.25
3	Thu bổ sung	177,119,000,000	50,731,572,050	28.64
	- Thu bổ sung cân đối	174,119,000,000	43,538,000,000	25.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3,000,000,000	7,193,572,050	239.79
4	Thu chuyển nguồn		14,854,069,229	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>269,049,000,000</b>	<b>44,363,337,621</b>	<b>16.49</b>
1	Chi đầu tư phát triển	96,950,000,000	1,050,352,000	1.08
2	Chi thường xuyên	163,649,000,000	43,312,985,621	26.47
3	Dự phòng	5,450,000,000		-
4	Chi bổ sung mục tiêu	3,000,000,000		-

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ninh Giang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>357,259,000,000</b>	<b>269,049,000,000</b>	<b>121,454,659,694</b>	<b>82,573,034,677</b>	<b>34.00</b>	<b>30.69</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1,540,000,000</b>	<b>700,000,000</b>	<b>439,408,198</b>	<b>338,590,970</b>	<b>28.53</b>	<b>48.37</b>
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	290,000,000	290,000,000			-	-
	Thu phí , lệ phí	450,000,000	300,000,000	98,441,000	28,139,000	21.88	9.38
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			209,880,647	179,369,000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	800,000,000	110,000,000	131,086,551	131,082,970	16.39	119.17
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm</b>	<b>178,600,000,000</b>	<b>91,230,000,000</b>	<b>55,429,610,217</b>	<b>16,648,802,428</b>	<b>31.04</b>	<b>18.25</b>
1	Các khoản thu phân chia	<b>800,000,000</b>	<b>800,000,000</b>	<b>393,321,834</b>	<b>393,321,834</b>	<b>49.17</b>	<b>49.17</b>
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250,000,000	250,000,000	13,612,014	13,612,014	5.44	5.44
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			3,000,000	3,000,000		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	550,000,000	550,000,000	376,709,820	376,709,820	68.49	68.49
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	<b>177,800,000,000</b>	<b>90,430,000,000</b>	<b>55,036,288,383</b>	<b>16,255,480,594</b>	<b>30.95</b>	<b>17.98</b>
	- Thuế thu nhập cá nhân	1,410,000,000	1,410,000,000	733,706,949	623,087,110	52.04	44.19
	- Thuế GTGT	2,390,000,000	2,390,000,000	2,080,956,710	2,080,956,710	87.07	87.07
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	300,000,000	130,000,000	24,787,500	10,534,688	8.26	8.10
	- Thu tiền sử dụng đất	167,000,000,000	85,000,000,000	50,637,296,000	13,201,718,688	30.32	15.53
	- Lệ phí trước bạ khác	5,200,000,000		1,220,357,826	-	23.47	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000,000	1,500,000,000	339,183,398	339,183,398	22.61	22.61
	- Thu khác						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>14,854,069,229</b>	<b>14,854,069,229</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>177,119,000,000</b>	<b>177,119,000,000</b>	<b>50,731,572,050</b>	<b>50,731,572,050</b>	<b>28.64</b>	<b>28.64</b>
	- Thu bổ sung cân đối	174,119,000,000	174,119,000,000	43,538,000,000	43,538,000,000	25.00	25.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3,000,000,000	3,000,000,000	7,193,572,050	7,193,572,050	239.79	239.79

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ninh Giang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026			ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026			SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>269,049,000,000</b>	<b>96,950,000,000</b>	<b>163,649,000,000</b>	<b>44,363,337,621</b>	<b>1,050,352,000</b>	<b>43,312,985,621</b>	<b>16.49</b>	<b>1.08</b>	<b>26.47</b>
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo	113,894,646,000	19,285,646,000	94,609,000,000	25,857,132,021		25,857,132,021	22.70	-	27.33
2	Chi khoa học - công nghệ	500,000,000		500,000,000	-					
3	Chi y tế	4,442,578,000		4,442,578,000	1,014,025,381		1,014,025,381	22.83		22.83
4	Chi văn hóa, thông tin	353,149,000	59,149,000	294,000,000	29,000,000		29,000,000	8.21		9.86
5	Chi phát thanh, truyền thanh	271,806,000	126,990,000	144,816,000	8,002,800		8,002,800	2.94		5.53
6	Chi thể dục thể thao	50,000,000		50,000,000	-			-		-
7	Chi bảo vệ môi trường	2,450,000,000		2,450,000,000	463,600,007		463,600,007	18.92		18.92
8	Chi các hoạt động kinh tế	72,742,478,000	71,288,238,000	1,454,240,000	1,196,333,000	1,050,352,000	145,981,000	1.64	1.47	10.04
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	23,632,621,000	790,914,000	22,841,707,000	8,968,359,453		8,968,359,453	37.95	-	39.26
10	Chi cho công tác xã hội	22,838,563,000	551,563,000	22,287,000,000	5,742,515,000		5,742,515,000	25.14	-	25.77
11	Chi khác	11,799,165,000		11,799,165,000	-			-		-
12	Dự phòng ngân sách	5,450,000,000			-			-		